

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG NAM C

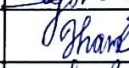
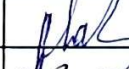
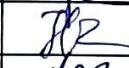
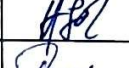
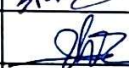
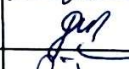
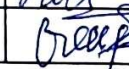
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023-2024

QUẢNG NINH - 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG NAM C

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023-2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	Chữ ký
1	Hoàng Thị Phương Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Phạm Xuân Thành	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Hà Thị Ngọc Lan	Thư ký HĐ	Thư ký HĐ	
4	Bùi Thị Oanh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Nhã	Tổ trưởng 1,2,3	Ủy viên Hội đồng	
6	Trần Thị Thắm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
7	Phan Thị Lâm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Bùi Thị Hương	GV - Tổ phó Tổ 1,2,3	Ủy viên Hội đồng	
9	Đặng Thị Thu Hằng	Tổ trưởng 4,5	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
11	Trần Thị Phương Huế	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Đậu Thanh Hương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
13	Phạm Thị Dương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Đặng Thị Hải Linh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Phạm Thị Thanh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Phùng Thị Kim Dung	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Phạm Thùy Linh	Giáo viên - TP 4,5	Ủy viên Hội đồng	
18	Vũ Thị Thanh Hòa	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Nguyễn Đông Hưng	TTVP - TB -TV	Ủy viên Hội đồng	
20	Đặng Thị Dung	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

QUẢNG NINH-2024

MỤC LỤC
NỘI DUNG

	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	11
PHẦN THỨ NHẤT: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	11
Mở đầu	11
Tiêu chí 1.1	12
Tiêu chí 1.2	13
Tiêu chí 1.3	14
Tiêu chí 1.4	15
Tiêu chí 1.5	16
Tiêu chí 1.6	17
Tiêu chí 1.7	19
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	20
PHẦN THỨ HAI: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	21
Mở đầu	21
Tiêu chí 2.1	22
Tiêu chí 2.2	23
Tiêu chí 2.3	24
Tiêu chí 2.4	26
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	28
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	28
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí			
Tiêu chí 1.1			Có
Tiêu chí 1.2			Có
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5		x	
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7			x
Nhóm tiêu chí			
Tiêu chí 2.1			Có
Tiêu chí 2.2			Có
Tiêu chí 2.3		x	
Tiêu chí 2.4		x	

Kết quả: Đạt mức độ 2

2. Kết luận: Đạt mức độ 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: QUẢNG NINH

Huyện/quận /thị xã/ thành phố: UÔNG BÍ

Xã/ phường/thị trấn: PHƯỜNG NAM

Điện thoại: 0203.3668041

Fax:

Email: c1phuongnamc.ub.quangninh@moet.edu.vn

Website: <http://uongbi.quangninh.edu.vn> Mã đơn vị: 22196418

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 2

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

Học sinh

TT	Khối lớp	Số lớp	Số lượng	HSKT
1	1	2	48	1
2	2	2	65	3
3	3	2	74	5
4	4	2	69	4
5	5	2	69	0
	TỔNG	10	325	13

CBQL-Giáo viên-Nhân viên

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	01	0	0	0	1	0	
Giáo viên	16	16	0	02	14	0	
Nhân viên	02	01	0	0	02	0	
Cộng	20	18	0	02	17	01	

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- 100% CBQL-GV-NV đạt chuẩn trình độ Tin học ứng dụng.
- Hệ thống hồ sơ sổ sách chuyên môn nhà trường được lập và sử dụng là các hồ sơ điện tử. Có văn bản hướng dẫn lập và sử dụng cụ thể vào đầu các năm học.
- CBQL-GV thành thạo sử dụng thiết bị trong họp, dạy trực tuyến.
- Có kỹ năng khai thác, sử dụng, tạo học liệu số phục vụ bài dạy.
- Có đủ thiết bị, tài khoản, hệ thống LMS có bản quyền để thực hiện dạy học, kiểm tra trực tuyến. Thực hiện phủ sóng wifi 100% phòng học.
- Tổ chức được các hoạt động tương tác, tài liệu trực tuyến trong quản lí, hoạt động chuyên môn.
- Khó khăn: Chưa có phòng kỹ thuật xây dựng kênh hình dạy học để phục vụ cho bài giảng elearning.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Trường Tiểu học Phương Nam C nằm trên địa bàn thuộc Tổ 2 khu Hồng Hà, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh có diện tích 6792,1 m²; Trường được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 835431 ngày 26 tháng 8 năm 2015. Được sự quan tâm của UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND thành phố Uông Bí, trường được đầu tư xây mới 01 dãy nhà hiệu bộ 2 tầng khang trang và chính thức đưa vào sử dụng kể từ tháng 11 năm 2017. Trường có cổng, tường bao, biển trường đủ, đúng theo quy định. Số phòng học của nhà trường đáp ứng đủ cho nhu cầu 100% HS được học 2 buổi/ngày. Sân chơi, bãi tập rộng 2254m², bằng 33,2% diện tích mặt bằng của trường. Sân chơi được lát gạch đỏ bằng phẳng, chắc chắn, luôn đảm bảo sạch sẽ, thuận lợi cho học sinh vui chơi, tập thể dục đảm bảo diện tích để HS học tập, rèn luyện và vui chơi/

Phòng học văn hoá gồm 10 phòng học, 04 phòng học bộ môn (01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng Âm nhạc (Nghệ thuật); 01 phòng Mỹ thuật (Nghệ thuật); 01 phòng Tin học); phòng làm việc có 03 phòng (01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hội trường). Phòng chức năng có 06 phòng (01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện, 01 phòng Đội, 01 phòng y tế, 01 phòng kế toán - hành chính, 01 phòng bảo vệ).

Tổng số máy tính phục vụ cho công tác quản lý và dạy học: 05 bộ trong đó máy tính phục vụ cho văn phòng và giáo viên 3 bộ, 02 bộ phục vụ cho cán bộ quản lý; Phòng tin học có 13 bộ, 100% máy tính được kết nối Internet. Máy tính bảng 18 chiếc. Số máy chiếu đa năng 06 chiếc. Các thiết bị khác gồm: máy in, ampli, mic (không dây và có dây), loa máy, đàn oocgan...

4. Các số liệu khác (nếu có)

- 4.1. Số lượng học liệu số (Phụ lục)
- 4.2. Số bài dạy; Chủ đề có nội dung trực tuyến (Phụ lục)
- 4.3. Phần mềm quản trị trường (Phụ lục)

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Phương Nam C có tiền thân là trường Tiểu học Phương Nam B thuộc phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Thực hiện theo Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2014 của UBND thành phố Uông Bí, Trường Tiểu học Phương Nam B được tách thành 2 trường là trường TH Phương Nam B và trường TH Phương Nam C.

Từ khi thành lập đến nay, nhà trường luôn bám sát mục tiêu đào tạo và nhu cầu phát triển của địa phương để xây dựng kế hoạch, biện pháp sát với tình hình thực tế nhằm đạt được những chỉ tiêu giáo dục theo lộ trình của từng giai đoạn. Công tác trọng tâm luôn được Ban giám hiệu đặt lên hàng đầu, đó là chú trọng bồi dưỡng toàn diện về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu của giáo dục, chuyển đổi số trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện tại trường có 21 cán bộ, giáo viên, nhân viên đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 15 đảng viên. Các lực lượng phối hợp luôn tạo điều kiện để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt là cha mẹ học sinh có những đóng góp rất lớn trong việc đẩy mạnh chất lượng các hoạt động chuyển đổi số trong nhà trường.

Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường được duy trì và tiến bộ rõ rệt trong các năm qua: tỉ lệ lên lớp đạt 100%; tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%. Số lượng học sinh đạt giải các cấp tăng về số lượng, chất lượng giải. Nhà trường được công nhận tập thể Lao động Tiên tiến, Chi bộ đạt chi bộ trong sạch, vững mạnh.

1.1. Về đội ngũ giáo viên

Hiện nay, nhà trường có 18 giáo viên. Trong đó:

Giáo viên tiểu học: 12 người

Giáo viên bộ môn: 04 người

(01 Mỹ Thuật; 01 Âm nhạc; 01 Thể dục; 01 Tiếng Anh)

Đội ngũ giáo viên nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề mến trẻ, tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức học hỏi, có kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn tốt, 100% giáo viên nhà trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Hiện tại 02 đồng chí giáo viên có trình độ cao đẳng đang theo học các lớp đại học, phấn đấu đến năm 2026 đạt trình độ đại học. Các giáo viên lớn tuổi phần lớn là các cô giáo có bề dày kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn tốt, là nền tảng vững vàng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Số giáo viên trẻ được tăng cường ngày càng nhiều. Giáo viên trẻ nhanh nhạy về CNTT, ham học hỏi, tiếp cận nhanh với ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Đội ngũ giáo viên của nhà trường ổn định, phát huy tốt vai trò giảng dạy, chủ nhiệm và các công tác khác, góp phần tạo nên những thành tích cho nhà

trường.

1.2 Về đội ngũ học sinh

Học sinh của nhà trường cơ bản các em học sinh đều ngoan ngoãn, lễ phép, có ý thức tốt trong học tập, rèn luyện, có kỹ năng giao tiếp, tiếp cận nhanh công nghệ thông tin, kỹ năng sống tốt, được phụ huynh học sinh quan tâm. Các em chủ yếu là con em hộ nông, ngư nghiệp và làm công nhân tại các khu công nghiệp (Giày da Sao Vàng, công ty VSIP...). Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường được duy trì vững chắc trong nhiều năm qua: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%. Trong năm học 2023-2024 là năm học tiếp tục thực hiện song song hai chương trình: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5. Học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 học chương trình GDPT 2018 được đánh giá theo thông tư 27/2020/TT-BGD; các khối lớp 5 tiếp tục đánh giá HS theo Thông tư 22/2016/TT-BGD&ĐT chất lượng giáo dục tiếp tục giữ vững. Trong năm học 2023-2024, số học sinh được Hiệu trưởng nhà trường khen là 147/325 em, đạt 45,23%. Nhiều em có thành tích nổi bật trong học tập, tham gia các hội thi học sinh tiểu học cấp thành phố và trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

1.3 Chuyển đổi số trong công tác quản lý và giảng dạy

Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý và giảng dạy phải đòi hỏi có đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ, hiểu biết về công nghệ thông tin. Trong những năm gần đây, trường Tiểu học Phương Nam C đã và đang quan tâm đến vấn đề bồi dưỡng trình độ tin học, kỹ năng ứng dụng CNTT vào quản lý và giảng dạy cho cán bộ, giáo viên. Nhà trường đã chủ động mở các lớp tập huấn phổ biến kiến thức tin học cho cán bộ, giáo viên. Đến nay, cán bộ, giáo viên nhà trường đã sử dụng thành thạo tin học văn phòng để soạn thảo văn bản, biết khai thác mạng internet để tra cứu thông tin, sử dụng thư điện tử để chia sẻ, trao đổi dữ liệu; giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm Powerpoint, E-learning,...

Song một vấn đề đặt ra là: CNTT là một ngành liên tục phát triển, thay đổi nhanh chóng cả về công nghệ đến các phần mềm ứng dụng nên nếu không có sự liên tục cập nhật, bồi dưỡng, học tập thường xuyên... tất yếu chúng ta sẽ rơi vào sự lạc hậu.

Thực tế, trong năm qua, có nhiều hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy của trường Tiểu học Phương Nam C đã được cán bộ, giáo viên thực hiện và mang lại hiệu quả cao như tra cứu thông tin phục vụ công tác nghiên cứu nâng cao kiến thức chuyên môn và lấy tư liệu hỗ trợ xây dựng kế hoạch bài dạy, sử dụng các phần mềm hỗ trợ xây dựng kế hoạch bài dạy để tạo bài giảng điện tử, sử dụng các phần mềm hỗ trợ để làm đề kiểm tra, đề kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh...từng bước chuyển đổi nhận thức chuyển đổi số trong giáo dục là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục. Bao gồm cải

tiến phương pháp giảng dạy, cải tiến các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ học tập, nâng cao trải nghiệm của học sinh và người tham gia đào tạo.

2. Mục đích tự đánh giá

2.1 Mục đích, lý do tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

Chuyển đổi số là bước phát triển tiếp theo của tin học hóa, là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số. Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới, tạo ra các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống vốn có. Chuyển đổi số có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của mọi tổ chức. Có thể liệt kê một số vai trò nổi bật của chuyển đổi số như: Duy trì tính cạnh tranh của tổ chức, tăng cường liên kết giữa các đơn vị trong tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm chi phí... Trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, áp dụng chuyển đổi số trong các hoạt động là một trong những yêu cầu cần thiết, để theo kịp với xu thế phát triển của xã hội. Chất lượng của cơ sở giáo dục đại học là sự đáp ứng mục tiêu do cơ sở giáo dục đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động của cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó, kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trong kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, tự đánh giá là quá trình cơ sở giáo dục tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để cơ sở giáo dục tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Tự đánh giá đóng vai trò quan trọng, để các cơ sở giáo dục nắm được mình đang ở đâu trong hệ thống giáo dục và phải làm gì để hòa nhập vào sự phát triển chung của hệ thống giáo dục nói riêng và đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội nói chung.

Căn cứ vào Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là Bộ chỉ số) kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Được sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh và phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí, trường Tiểu học Phương Nam C đã tiến hành TĐG mức độ chuyển đổi số của đơn vị theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT và công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/03/2024 của Sở GDĐT với mục đích là làm rõ thực trạng về quy mô, chất lượng và mức độ chuyển đổi số trong giáo dục; xác định và so sánh theo các tiêu chuẩn của bộ chỉ số. Thông qua đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của nhà trường và đề xuất ra các chiến lược, kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao mức độ chuyển đổi số; kiến nghị với địa phương, với các cấp lãnh đạo tiếp tục chỉ đạo các

biện pháp không ngừng nâng cao mức độ chuyển đổi số trong giáo dục.

Thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số còn nhằm mục đích giải trình với các cơ quan chức năng và các tổ chức xã hội về chất lượng giáo dục của nhà trường, nhằm đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng nguồn lực và đảm bảo quyền lợi cho người học. Thông qua TĐG, nhà trường đề nghị các cơ quan chức năng kiểm định theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông.

Qua đó khẳng định uy tín và nâng cao vị thế của nhà trường với phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương. Đồng thời, từ kết quả TĐG của nhà trường sẽ có những định hướng, cải tiến mức độ chuyển đổi số của nhà trường trong các giai đoạn cụ thể tiếp theo.

Trong quá trình TĐG, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình, phương pháp và công cụ TĐG của cơ sở giáo dục phổ thông.

2.2. Quy trình tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường thực hiện theo 07 bước theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT và công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/03/2024 của Sở GDĐT như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Khi thực hiện 07 bước trên nhà trường đều thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Hội đồng tự đánh giá thường xuyên kiểm tra đôn đốc các nhóm thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.3. Phương pháp tự đánh giá

Trong quá trình tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp điều tra: khảo sát, điều tra, phỏng vấn những người có liên quan để thu thập thông tin minh chứng, dùng cho các nhóm công tác.

Phương pháp thảo luận: sử dụng cho Hội đồng tự đánh giá và các nhóm tự đánh giá trao đổi, bàn bạc các nội dung tự đánh giá.

Phương pháp nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu các Chỉ thị, Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục.

Phương pháp giảng giải, thuyết trình: được tiến hành trong việc tổ chức cho giáo viên học tập bộ tiêu chuẩn và quy trình tự đánh giá; giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá.

Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá; minh chứng độ tin cậy của kết quả thu được.

Phương pháp phân tích: tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.

2.4. Công cụ đánh giá

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (gọi tắt là Quyết định 4725) và Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (gọi tắt là Thông tư 09); Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Công văn số 3571/SGDĐT-VP ngày 08/12/2023 về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT. Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT và công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/03/2024 của Sở GDĐT; 523/PGDĐT V/v triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

3.1 Sơ lược quá trình tự đánh giá

Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá đã lập kế hoạch công tác cho cả giai đoạn và kế hoạch chi tiết cho từng năm học, thể hiện rõ thời gian cần được tiến hành để đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường. Công việc dự kiến các thông tin, minh chứng cần thu thập, cần xử lý cho từng tiêu chí được phân công một cách khoa học, cụ thể. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động sự tham gia của toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hội đồng đánh giá cũng nhận được sự giúp đỡ của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể của phường Phương Nam và sự tham gia của một số lực lượng xã hội có liên quan.

Các thành viên hội đồng tự đánh giá đã nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của công tác tự đánh giá và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các nhóm công tác sau khi hoàn thành việc thu thập, mã hóa các minh chứng đã viết phiếu đánh giá tiêu chí. Chủ tịch hội đồng tự đánh giá đã tiến hành viết báo cáo tự đánh giá. Báo cáo được trình bày đầy đủ nội hàm của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Mỗi chỉ số đều được mô tả chi tiết hiện trạng của nhà trường trong từng hoạt động. Trên cơ sở đó khái quát điểm mạnh, điểm yếu, đề ra kế hoạch, biện pháp tích cực, nhằm cải tiến chất lượng cho những năm học tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường có 02 nhóm công tác (Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học” và Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục”).

Mỗi nhóm có trách nhiệm thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích

minh chứng, mã hoá các minh chứng của 01 tiêu chuẩn.

Nhóm 1: Giải quyết các nội dung công việc của tiêu chuẩn 1 (đ/c Nguyễn Thị Nhã và đ/c Đặng Thị Thu Hằng phụ trách và điều hành).

Nhóm 2: Giải quyết các nội dung công việc của tiêu chuẩn 2 (do đ/c Hà Thị Ngọc Lan - trực tiếp phụ trách và điều hành).

Thông qua quá trình TĐG, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến mức độ chuyển đổi số cho từng nội dung hoạt động của nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

3.2. Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc đối chiếu những kết quả đã đạt được với những yêu cầu chuyển đổi số. Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, nhà trường đã xác định những mặt mạnh nổi bật và những mặt hạn chế. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến mức độ chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

Trường Tiểu học Phương Nam C ngày càng là trường uy tín và nhận được những phản hồi tích cực từ phía phụ huynh học sinh, luôn được Phòng Giáo dục và Đào tạo Uông Bí đánh giá là trường có chất lượng giáo dục tốt, từng bước chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy. Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần đoàn kết và có trách nhiệm cao. Trong nhiều năm qua, trường luôn giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục. Phong trào thi đua dạy và học đạt được nhiều thành tích nổi bật trong thành phố được phụ huynh tin yêu và cấp trên ghi nhận. Tập thể nhà trường luôn đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Song song với những mặt mạnh, nhà trường còn những điểm yếu cần phải khắc phục. Đó là công tác quản lý lưu trữ hồ sơ điện tử chưa khoa học, một bộ phận giáo viên tự học tự bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Thực hiện TĐG mức độ chuyển đổi số có ý nghĩa rất lớn với những quyết sách và con đường đi tiếp theo của nhà trường, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương; tiếp cận thông tin, kiến thức dễ dàng, rút ngắn về khoảng cách, thu hẹp về không gian và thời gian, cung ứng cho mỗi người nhiều cơ hội học tập, phát triển bản thân. Một mục tiêu quan trọng không kém do Chính phủ đặt ra, đó là xây dựng xã hội học tập suốt đời.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

PHẦN THỨ NHẤT: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong giáo dục mở ra nhiều cơ hội trong việc cải thiện và phát triển giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong thời đại công nghệ 4.0. tạo nên cơ hội nổi bật:

Tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Sự phát triển của công nghệ thông tin và internet tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giáo dục trực tuyến. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng internet nhanh và ổn định, sẽ giúp thúc đẩy giáo dục số.

Mở rộng tiếp cận công nghệ: Đảm bảo rằng học sinh, giáo viên và nhà trường có khả năng sử dụng công nghệ là một cơ hội lớn. Điều này giúp tất cả các bên liên quan tận dụng các công cụ và ứng dụng kỹ thuật số để nâng cao chất lượng giáo dục.

Phát triển nội dung số hóa: Chuyển đổi số trong giáo dục cần có nội dung số hóa phù hợp với nhu cầu giảng dạy và học tập hiện đại. Việc tạo ra và chia sẻ nội dung giáo dục số đa dạng và chất lượng là một cơ hội quan trọng để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Sự phát triển của hệ thống học trực tuyến: Các nền tảng học trực tuyến và khóa học trực tuyến mở (MOOCs) cung cấp cơ hội cho mọi người tiếp cận giáo dục một cách linh hoạt và phù hợp với nhu cầu cá nhân, không phân biệt giới tính, địa lý hay tình trạng kinh tế.

Hỗ trợ và đầu tư từ chính phủ và các tổ chức: Chính phủ và các tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục. Hỗ trợ tài chính, đầu tư vào đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ giáo dục, cũng như xây dựng các chính sách phù hợp giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho chuyển đổi số trong giáo dục.

Tích hợp công nghệ vào quy trình giảng dạy: Công nghệ giúp nâng cao phương pháp giảng dạy, tạo ra môi trường học tập tương tác và hấp dẫn hơn. Các công cụ như bảng trắng thông minh, phần mềm giáo dục và ứng dụng di động có thể giúp tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và kỹ năng tư duy.

Phát triển kỹ năng số cho giáo viên và học sinh: Để thành công trong chuyển đổi số giáo dục, cần đảm bảo rằng cả giáo viên và học sinh đều có kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ. Đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giáo dục và hỗ trợ liên tục giúp thầy cô và học sinh làm quen và phát triển kỹ năng số của họ.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục: Trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều cơ hội mới trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm hệ thống học tập cá nhân hóa, phân tích dữ liệu học tập và hỗ trợ giáo viên trong việc giảng dạy. Việc tận dụng AI trong giáo dục giúp nâng cao hiệu quả học tập và đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh.

Hợp tác giữa các bên liên quan: Sự hợp tác giữa các nhà trường, doanh nghiệp, tổ chức là rất quan trọng để đạt được chuyển đổi số thành công trong giáo dục. Mỗi quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan giúp tận dụng tài nguyên, chia sẻ kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp phù hợp với từng đối tượng.

Thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục: Nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục là cơ hội để phát triển các công cụ, phương pháp giảng dạy mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu tiểu luận, cũng như chấp nhận sự thay đổi và đổi mới, sẽ giúp tạo ra một môi trường giáo dục tiên tiến hơn.

Hướng tới hoàn thiện nội dung cần thiết cho chuyển đổi số trong trường học, cần Hoàn thiện quy trình dạy học online; Khai thác cơ sở dữ liệu nhà trường đã được số hoá phục vụ hoạt động truyền thông, lưu trữ. Khai thác hiệu quả hệ thống thiết bị phòng học thông minh được trang bị, phần mềm dạy học và các phương pháp tổ chức dạy học tích cực đáp ứng cho hình thức trực tiếp; trực tuyến cho phù hợp. Tăng cường khai thác UDCNTT trong kiểm tra đánh giá, tương tác giữa thầy-trò; nhà trường-gia đình. Nâng cao năng lực CBQL, GV, NV trong khai thác phần mềm, UDCNTT trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức HĐGD.

Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm). Tiêu chí bắt buộc có.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ-Sở-Phòng GD&ĐT, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, trong đó có các giải pháp thể hiện rõ trong các xây dựng phân phối chương trình - phụ lục 1 theo công văn số 2345/BGDĐT ngày 18/12/2020 và thực hiện đáp ứng nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến (TT09) [M01.01.01]. Nhà trường xây dựng được Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số năm học 2023-2024 và tầm nhìn đến năm 2027 (có danh mục thiết bị, công nghệ sử dụng, khai thác trong dạy học trực tuyến) [M01.01.02]; [M01.01.03]. Nội dung kế hoạch xác định rõ cách thức thực hiện và yêu cầu thực hiện thống kê tiết học, bài học theo môn/khối lớp về nội dung tổ chức dạy học trực tuyến. Nhà trường xây dựng nội dung quy chế dạy học trực tuyến đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT [M01.01.04]. Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học (có biểu bảng thống kê số liệu liên quan nội dung tổ chức dạy học trực tuyến: Số lượng học liệu số được phê duyệt; số tiết dạy trực tuyến...) [M01.01.05]. Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (PPCT-Phụ lục 1, 3 theo 5512-THCS được nhà trường phê duyệt) [M01.01.06]; Các hoạt động khác liên quan đến kiểm tra-giám sát thực hiện TCM, GV (KH KT nội bộ) [M01.01.07].

2. Điểm mạnh

Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

3. Điểm yếu

Giải pháp thực hiện các kế hoạch còn một số tồn tại trong việc lựa chọn nhân tố phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả chưa có tiêu chí rõ ràng.

4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường cần có phân tích đánh giá chính xác hiện trạng, điều kiện thực hiện triển khai chuyển đổi số trong dạy học để xác định chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp hơn. Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thực hiện sử dụng đồ dùng thiết bị công nghệ cho đội ngũ CBQL- GV - NV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. Bắt buộc có.

1. Mô tả hiện trạng

Trường điều chỉnh, ban hành quy chế dạy học trực tuyến của năm học làm căn cứ cho các tổ chuyên môn xây dựng Phụ lục 1, 2, 3, 4 theo công văn số 2345/BGDĐT-GDTrH ngày 13/8/2020. Từ đó giúp giáo viên có sự chuẩn bị phù hợp cho hoạt động xây dựng nguồn học liệu số của bản thân trong quá trình dạy học Quy chế dạy học trực tuyến thể hiện rõ các nội dung về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến đồng thời/không đồng thời); Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến; Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên, học sinh trong dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến; Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến; Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến. [M01.02.01].

2. Điểm mạnh

Quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

3. Điểm yếu

Quy chế dạy học trực tuyến còn chưa đảm bảo cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09 và các thay đổi về điều kiện công nghệ của trường, môi trường giáo dục để điều chỉnh các nội dung quy chế dạy học trực tuyến theo hướng phát huy tính tích cực của giáo viên-nhân viên trong tự bồi dưỡng các năng lực sử dụng công nghệ và đánh giá học sinh qua hoạt động học tập trực tuyến.

- Phát huy vai trò của giáo viên trong xây dựng nguyên tắc đánh giá kết quả

học tập của học sinh.

- Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. Đảm bảo:
- + Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- + Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến.
- + Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến đồng thời/không đồng thời).
- + Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến.
- + Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên, học sinh trong dạy học trực tuyến.
- + Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến.
- + Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến.
- + Cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- + Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến.
- + Xử lý vi phạm và điều khoản thi hành

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (Tối đa 30 điểm)

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên): Tối đa 6 điểm.

- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng dưới đây không quá 6 điểm.

- (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;
- (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;
- (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;
- (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Năm thứ 4 có sử dụng thống nhất phần mềm LMS lựa chọn Olm.vn (Hiện chưa mua bản quyền chính thức nhưng đã có trang quản trị “Trường TH Phương Nam C”) có nhúng Google Meet; Zoom, zalo, Quizizz được sử dụng thống nhất trong toàn trường để triển khai dạy học trực tuyến. Giáo viên, cán bộ quản lý tham gia các hoạt động tập huấn sử dụng phần mềm này do trường tổ chức và phải có trách nhiệm nghiên cứu, sử dụng hiệu quả các tính năng kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu dạy học trực tuyến. Bên cạnh đó có thể sử dụng các hoạt động trên Google Form...

Có phương án cho học sinh diện nghỉ học nhiều ngày không đến trường thực hiện học trực tuyến song song với các học sinh của lớp [M01.03.01]; [M01.03.02].

Trường triển khai hệ thống dạy học trực tuyến có chức năng hỗ trợ giáo viên:

Tổ chức triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập đồng thời cho tất cả học sinh tham dự trong cùng một không

gian học tập thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ (chia sẻ màn hình máy tính), chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến đến học sinh.

Sử dụng Meeting zoom cho việc tổ chức cho học sinh tự kiểm tra, hỏi đáp trực tuyến trên hệ thống phục vụ cho hoạt động đánh giá bằng nhận xét qua hệ thống bài tập trắc nghiệm, phiếu kiểm tra tự luận [M01.03.03]; [M01.03.04]; [M01.03.05]; [M01.03.06].

2. Điểm mạnh

Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến.

Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

3. Điểm yếu

Đôi lúc chưa đảm bảo tương tác giữa giáo viên và học sinh trên môi trường trực tuyến và chưa có được sự tham gia phối hợp của phụ huynh học sinh trong quá trình học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên có nhiều phương án dạy học trực tuyến. Kết hợp dạy học trực tuyến và trực tiếp để hướng đến giảm thời lượng học tập trực tiếp trên lớp, dành nhiều thời gian cho các hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Xây dựng đầy đủ quy chế và phối hợp cùng phụ huynh trong việc tạo điều kiện về thiết bị học tập, quản lý thời gian tự học, học trực tuyến của học sinh.

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp	6
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:	
+ Giáo viên giao bài cho học sinh tự học	5
+ Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	3
+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	3
+ PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	2
Tổng điểm: 19	- Đạt: Mức độ 3

Kết quả: Đạt Mức độ 3

Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa (Tối đa 10 điểm)

Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.

1. Mô tả hiện trạng

Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện được sử dụng trên nguồn học liệu mở do

Sở GDĐT cung cấp; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, hỗ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [M01.04.03] (link học liệu đã khai thác được trong quá trình dạy).

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng được tổ chuyên môn thẩm định đảm bảo các tiêu chí phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Mỗi năm nhà trường thực hiện thẩm định và phê duyệt các học liệu 2 lần vào cuối kỳ 1 và cuối kỳ 2 [M01.04.01]-(Danh mục học liệu số được nhà trường phê duyệt); [M01.04.02] – (BB thẩm định học liệu số TCM); [M01.04.04] – (Hình ảnh, video GV sử dụng học liệu trên lớp).

2. Điểm mạnh

Thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa có năng lực xây dựng các bài giảng số của riêng mình.

4. Kế hoạch cải tiến

Nâng cao năng lực và có phương án thẩm định kịp thời giá trị học liệu giáo viên sử dụng trong dạy học để phát huy học liệu giá trị cũng như chặn kịp thời học liệu không đạt yêu cầu, gây phản tác dụng sư phạm, tính mỹ thuật.

Tham mưu cho nhà trường trang bị được phòng kỹ thuật Studio tạo điều kiện cho giáo viên xây dựng bài giảng số Elearning.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
<i>Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.</i>	6
Tổng điểm: 6 - Đạt: Mức độ 2	

Kết quả: Đạt Mức độ 2

Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Yêu cầu cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm.

Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sử dụng mạng LAN phục vụ cho việc giám sát, quản lý hoạt động dạy học [M01.05.01].

Trường hiện nay có phòng máy tính, tuy nhiên tất cả các máy tính là máy cũ đưa vào sử dụng từ năm 2015, cấu hình thấp, hay hỏng hóc nên nhà trường chủ yếu tổ chức cho học sinh tham gia các nội dung thi trực tuyến trên internet (olympic tiếng Anh; olympic toán; các cuộc thi và tìm hiểu khác) tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính cá nhân, mượn máy tính xách tay của GV nhà trường.

Chưa có phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.

2. Điểm mạnh

Giáo viên tạo ra các bài kiểm tra trực tuyến, học sinh có thể truy cập vào đó để làm bài kiểm tra và nhận được kết quả ngay lập tức.

Tiết kiệm thời gian và chi phí, tăng tính minh bạch và độ chính xác, tăng tính tiện lợi cho người dùng, Hỗ trợ cho việc đánh giá và phân tích kết quả.

3. Điểm yếu

Chưa đủ điều kiện kỹ thuật tổ chức kiểm tra trực tuyến (phần mềm quản lý kiểm tra; Kế hoạch tổ chức, quy chế thực hiện kiểm tra trực tuyến).

Chưa có phương án bảo mật dữ liệu, an ninh mạng.

Chưa có đầy đủ máy tính phục vụ việc học và đủ điều kiện số lượng máy tính cho kiểm tra trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến

Đề nghị nhà trường mua phần mềm phù hợp tổ chức được các nội dung, bài thi trực tuyến trên phòng máy tính và tổ chức triển khai các nội dung kiểm tra trực tuyến.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
- Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Yêu cầu cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm.	7
- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.	3
Tổng điểm: 10	- Đạt: Mức độ 3

Kết quả: Đạt Mức độ 3

Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

- *Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm.*

- *Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.*

1. Mô tả hiện trạng

100% giáo viên được cấp và sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến <https://temis.csdl.edu.vn/temis> của Học viện quản lý giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2018. Hằng năm có 12-16 (đạt 17,6%) giáo viên tự đăng ký tham gia các khoá học bồi dưỡng phương pháp dạy học; nghiệp vụ công tác chủ nhiệm lớp; kỹ năng sử dụng công nghệ AI [M01.06.01]; [M01.06.02].

100% giáo viên thực hiện trình chiếu trong các bài dạy, 35% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học [M01.06.03].

100% giáo viên xây dựng bài giảng có khai thác, sử dụng học liệu số từ nguồn được thẩm định của tổ chuyên môn. 57,6% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử [M01.04.03].

2. Điểm mạnh

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

3. Điểm yếu

Giáo viên tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy chưa cao, chưa chuyên nghiệp còn lúng túng khi sử dụng phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến

CBQL và TTCM chủ động xây dựng các chuyên đề học tập và các tiêu chí thi đua tạo động lực cho giáo viên khai thác các tài khoản học tập bồi dưỡng trực tuyến.

Phó hiệu trưởng phụ trách tham mưu với lãnh đạo trường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử, đánh giá học liệu số phù hợp các yêu cầu đổi mới.

Nâng cấp đường truyền mạng Internet đường truyền ổn định.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
- <i>Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.</i>	7
- <i>Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.</i>	5
- <i>Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng</i>	3

<i>điện tử.</i>	
Tổng điểm: 15	- Đạt: Mức độ 3

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (Tối đa 20 điểm)

- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.
- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học.
- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).

1. Mô tả hiện trạng

5/12 phòng học được trang bị máy chiếu màn chiếu để tương tác giảng dạy. Mỗi tầng có 01 đầu phát wifi. Trong quá trình sử dụng trường ban hành quy chế sử dụng thiết bị phòng học thông minh (phòng Tiếng Anh và phòng học bộ môn), quy định sử dụng thiết bị đối với học sinh, tổ chức bàn giao thiết bị sử dụng cố định theo năm học. Thực hiện ghi chép sổ sách nhật ký phòng học, nhật ký các tiết dạy UDCNTT các lớp học, tổ chức đánh giá kết quả theo nội dung kiểm tra nội bộ đối với từng giáo viên trong năm học [M01.04.03], [M01.07.01], [M01.07.02], [M01.07.03].

Trường có 01 phòng học Tin học, chưa có máy tính trang bị cho giáo viên giảng dạy. Giáo viên phải tự chuẩn bị máy tính cá nhân để lên lớp giảng dạy. Đồng thời giáo viên mượn 14 máy tính xách tay của giáo viên trong trường để học thực hành bài học. [M01.07.04], [M01.07.05], [M01.07.06].

Trường chưa xây dựng và bố trí được phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường [M01.07.07].

2. Điểm mạnh

Được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

3. Điểm yếu

Chưa có đủ máy tính để phục vụ cho học sinh thực hành môn tin học, thiết bị dạy học như máy chiếu, hoặc tivi màn hình 75 inch; camera giám sát, camera confection còn ít và chưa có, xây dựng được tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn quy trình xây dựng, sử dụng phòng studio phục vụ xây dựng bài giảng số, học liệu số.

4. Kế hoạch cải tiến

Tham mưu Ban giám hiệu, cấp trên để có đủ máy tính, máy chiếu, ti vi phục vụ cho công tác giảng dạy.

Phát huy nghiệp vụ tổ công nghệ thông tin nhà trường và ban chỉ đạo chuyển đổi số của trường xây dựng quy trình kỹ thuật, tiêu chí thẩm định học liệu số, bài giảng điện tử.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng năng lực sử dụng hệ thống thiết bị được trang bị trong hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.	6,5
- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).	1,5
Tổng điểm: 8	- Đạt: Mức độ 2

Kết quả: Đạt mức 2

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến. Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến. Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

Số lượng học liệu được số hóa, thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính. Có đầy đủ máy tính phục vụ việc học và đủ điều kiện số lượng máy tính cho kiểm tra trực tuyến.

Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học, được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 3

PHẦN THỨ HAI: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu:

Chuyển đổi số là bước chuyển mình mạnh mẽ, đòi hỏi sự thay đổi từ trong tư duy, nhận thức của mỗi người. Do vậy, cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập tầm quan trọng cho giáo viên, giảng viên, cán bộ nhà trường. Từ đó mới phối hợp cùng nhau xây dựng văn hóa số trong giáo dục. Tiến hành hướng dẫn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ số cho tất cả những người làm công tác giảng dạy, như kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin,... trên môi trường số. Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục bằng cách áp dụng công nghệ số trong phương pháp giảng dạy, giúp mở ra nhiều cơ hội để tăng cường chất lượng giáo dục và giúp học sinh phát triển toàn diện trong thế giới số hóa ngày càng phát triển.

Cải thiện cơ sở dữ liệu: Việc chú trọng vào triển khai quản lý hệ thống, chia sẻ dữ liệu để đồng bộ trong giáo dục, chuyển đổi tất cả tài liệu từ giấy tờ qua văn bản điện tử. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị phục vụ quá trình dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, ở mọi vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội số khác nhau.

Các hoạt động như thúc đẩy triển khai học liệu số, hình thành kho học liệu mở dùng chung cho toàn ngành, đồng thời hợp tác, liên kết với các tổ chức trên thế giới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, khuyến khích và hỗ trợ triển khai các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Xây dựng hạ tầng mạng và các thiết bị công nghệ tiên tiến: Hạ tầng mạng và các trang thiết bị phải được cải tiến, đổi mới khi chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt là những nơi có kết nối kém. Tăng cường kết hợp với các công nghệ hiện đại trên thế giới như AI, Big data, IoT, Blockchain,... với cơ sở dữ liệu số để xây dựng hệ thống thu thập thông tin, đưa ra dự báo và thiết lập ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

Hoàn thiện hệ thống pháp lý, ứng dụng phần mềm quản lý: Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học. Theo đó, cần thống nhất các quy định liên quan đến: Khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin; Hình thức giảng dạy; Quản lý các khóa học trực tuyến; Điều kiện cần và đủ để mở trường học.

Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục cần áp dụng các phần mềm quản lý, đây cũng là hình thức được nhiều trường học, cơ sở áp dụng. Bên cạnh đó, các phần mềm tích hợp tính năng vượt trội cũng giúp nhà trường tăng cường nghiệp vụ, quản lý hồ sơ, giảng dạy với các thao tác linh hoạt, nhanh chóng. Việc phát triển các khóa học trực tuyến cũng góp phần rất lớn trong công tác phục vụ giáo

viên dạy học tại vùng sâu, vùng xa, những nơi có hoàn cảnh khó khăn và địa hình hiểm trở, thời tiết xấu, cơ sở vật chất nhà trường chưa hoàn thiện,...

Sử dụng nền tảng học liệu số trong giáo dục: iGiaoduc.vn là một nền tảng giáo dục số trực tuyến được phát triển bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Ban điều hành Đề án Hệ tri thức Việt số hóa và các đối tác tài trợ, hỗ trợ. Nền tảng này được xây dựng nhằm mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ học liệu số dùng chung phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong các nhà trường. iGiaoduc.vn là một kho học liệu số khổng lồ với hơn 100.000 học liệu số thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm: Sách giáo khoa; Bài giảng; Bài tập; Kiểm tra, đánh giá; Trò chơi học tập; Video bài giảng; E-learning.

Tiêu chí 2.1. Ban hành quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT

- Có quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT (Có phân công nhiệm vụ BCD ứng dụng CNTT, CDS kèm theo)

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, sau khi ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm học, căn cứ nhiệm vụ được phân công, nhà trường kịp thời ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ phụ trách, triển khai. Ban chỉ đạo có đủ thành phần, rõ họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm, nhiệm vụ BCD ứng dụng CNTT, CDS [M02.01.01], [M02.01.02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản chỉ đạo, triển khai ứng dụng CNTT chuyển đổi số.

3. Điểm yếu

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa đảm bảo môi trường giúp CB-GV-NV thực hiện tốt nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban chỉ đạo CDS cần tham mưu nhà trường đưa vào các quy chế chuyên môn, nội dung tiêu chí đánh giá BDTX của CBQL-GV các nội dung về chuyển đổi số và kỹ năng cơ bản được tập huấn, hướng dẫn trong đơn vị.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Đạt/Không đạt
<i>Có quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT (Có phân công nhiệm vụ BCD ứng dụng CNTT, CDS kèm theo)</i>	Đạt

Kết quả: Đạt**Tiêu chí 2.2. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

- Có kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của từng giai đoạn và từng năm học.

- Nội dung kế hoạch có nội dung đầy đủ về thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của từng giai đoạn và từng năm học cụ thể gắn với tình hình thực tế của nhà trường và yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục từng thời kỳ [M1.01.03]. (Kế hoạch triển khai các hoạt động CNTT và chuyển đổi số).

Trong kế hoạch thể hiện đầy đủ các nội dung về thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch; Hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý có hoạt động tổ chức đánh giá và tổng hợp đánh giá mức độ chuyển đổi số; [M2.02.01], [M2.02.01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ quản lý nắm chắc các nội dung về chuyển đổi số, nắm bắt rõ khả năng, tiềm năng của đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường do đó có khả năng xây dựng kế hoạch chi tiết, khoa học cũng như phân công và triển khai kế hoạch bài bản, khoa học, đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Lượng thông tin cần xử lý nhiều, đội ngũ chưa đồng đều, chuyên sâu về công nghệ, thiếu giáo viên tin học nên việc phân công người phụ trách các nhiệm vụ còn bị chùng chéo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tổ chức các hoạt động tập huấn về CNTT, sử dụng các phần mềm quản lý, phần mềm giảng dạy cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tiến tới sự đồng bộ hoá trong ứng dụng CNTT trong nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Đạt/Không đạt
- Có kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của từng giai đoạn và từng năm học.	Đạt
- Nội dung kế hoạch có nội dung đầy đủ về thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch;	Đạt

Kết quả: Đạt.

Tiêu chí 2.3. Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường:

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường.
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập).
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV.
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất.
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán.
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý).

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường đều ban hành quy chế, hướng dẫn sử dụng hệ thống quản trị nhà trường, hệ thống quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) trên phần mềm SMAS: <http://qlth.quangninh.edu.vn/>; CSDL ngành: <https://truong.csdl.moet.gov.vn/>; <https://csdl.moet.gov.vn/>. [M2.2.3.01] (Quy chế). Trong đó có nội dung về kế hoạch tập huấn sử dụng, khai thác và sử lý thông tin trên các phần mềm. Các hệ thống phần mềm đều được triển khai đồng bộ, cụ thể và được phân cấp và phân quyền 1 cách khoa học dựa trên nguồn nhân lực, đội ngũ và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học.

Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức tập huấn cho giáo viên cách sử dụng trang <https://qlth.quangninh.edu.vn/> nhằm giúp giáo viên quản lý hồ sơ, nhập kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Giáo viên có thể xuất bảng tổng hợp kết quả học tập của học sinh, in học bạ và gửi kết quả học tập cho học sinh. Từ học kỳ 2 năm học 2023-2024, nhà trường tổ chức tập huấn, triển khai học bạ số. Triển khai Tuyển sinh lớp 1 năm học 2024-2025 trực tuyến trên trang: <https://quangninh.tsd.edu.vn/> nhà trường duyệt hồ sơ tuyển sinh lớp 1 trên trang <https://qlts.tsd.edu.vn/> [M2.2.3.02]; [M2.2.3.03] .(văn bản triển khai thí điểm học bạ số, tuyển sinh lớp 1 năm học 2024-2025).

Nhà trường triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV thông qua trang web <https://ccvc.quangninh.gov.vn/>, <https://qlth.quangninh.edu.vn/>; CSDL ngành: <https://truong.csdl.moet.gov.vn/>, <https://csdl.moet.gov.vn/> và <https://temis.csdl.edu.vn/user/login>. Trong đó thể hiện chức vụ, nhiệm vụ được giao, thành tích đạt được, đánh giá chuẩn nghề nghiệp.... [M2.2.3.04]. (hình ảnh trang web).

Nhà trường đánh giá chuẩn nghề nghiệp <https://temis.csdl.edu.vn>

Nhà trường sử dụng phần mềm Quản lý tài sản công của bộ tài chính <https://csdlqgtsc-ss0.mof.gov.vn/Account> phục vụ việc theo dõi tài sản công của nhà trường (TS có giá trị từ 10 triệu trở lên) và phần mềm quản lý tài sản Misa: <https://qltsapp.misa.vn/settlement> để phục vụ việc theo dõi tài sản, Công cụ dụng cụ của nhà trường [M2.2.3.05] (Hình ảnh trang). Thường xuyên cho cán bộ, giáo viên rà soát lại tài sản của lớp, trường và bổ sung lên phần mềm.

Nhà trường quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh thông qua phần mềm BHXH điện tử: baohiemxahoi.gov.vn. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho học sinh và nhập kết quả lên phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>, thông báo tình hình sức khỏe học sinh đến phụ huynh. [M2.2.3.06]

Trong những năm học gần đây, nhà trường luôn triển khai các phần mềm dịch vụ kế toán như: Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp: <https://mimosaapp.misa.vn/treasury> Phục vụ việc hạch toán các khoản thu chi trong nhà trường, Kết xuất các biểu bảng nộp lên dịch vụ công kho bạc; Kết xuất báo cáo tài chính hàng năm nộp phòng Giáo dục. Phần mềm Nền tảng quản lý trường học: <https://emisapp.misa.vn/r/Home.aspx> phục vụ việc thu nộp các khoản thu chi dịch vụ trong nhà trường: Tiền nước uống, tiền bán trú...

Việc sử dụng các phần mềm thuận tiện cho việc thu chi các chi phí học tập và các khoản dịch vụ trong nhà trường. [M2- 2.3- 07]. (Hình ảnh hoá đơn)

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên có kinh nghiệm trong việc ứng dụng CNTT. Có khả năng ứng dụng tốt các phần mềm vào trong công tác. Nhân viên kế toán có kinh nghiệm.

Đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, có tinh thần ham học hỏi việc ứng dụng các phần mềm, ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy, quản trị lớp học; quản lý kết quả học tập của học sinh trên các phần mềm.

3. Điểm yếu

Hiện nay việc cập nhật dữ liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên còn thực hiện trên một số phần mềm, chưa có sự thống nhất gây khó khăn trong việc sử dụng, cũng như nguy cơ mất an toàn thông tin cao. Việc nhập kết quả học tập của học sinh lên trang web <https://qlth.quangninh.edu.vn> nhiều khi còn lỗi hệ thống.

Một số phụ huynh không có điện thoại thông minh và tài khoản ngân hàng nên việc thanh toán các chi phí học tập còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tập huấn cho giáo viên, nhân viên sử dụng phần mềm dữ liệu cán bộ có hiệu quả hơn. Tập huấn cho cán bộ giáo viên, nhân viên cũng như phụ huynh, học sinh những biện pháp phòng tránh rủi ro và bảo vệ thông tin cá nhân, trong quá trình sử dụng các mạng xã hội, các ứng dụng trực tuyến.

Tiếp tục đẩy mạnh khai thác CSDL ngành, các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân; thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, sổ sách học bạ số điểm điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được vận dụng tối đa trên môi trường mạng.

Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng module theo nhu cầu thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập).	8
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm. Nếu chỉ cung cấp thông tin file PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm (cho phép dùng chứng thư số trong việc xác thực, ký trực tiếp trên phần mềm quản lý, xác thực được thông tin chữ ký, chứng thư số trên hồ sơ điện tử).	10
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.	8
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán.	8
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý).	8
Tổng điểm: 66/70	- Đạt: Mức độ 3

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4. Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến được đánh giá thông qua các dịch vụ sau đây:

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top hoặc qua ứng dụng web). Điểm số được đánh giá theo mức độ tự động (automation) của ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường, tỉ lệ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tỉ lệ hài lòng của phụ huynh học sinh với nhà trường, ...

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Đánh giá theo mức độ hoàn thiện của hệ thống phần mềm tuyển sinh trong quá trình thực hiện (hỗ trợ một phần, hỗ trợ toàn phần, có xác thực chứng thư số, ...).

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, ...).

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện tốt công tác giáo dục học sinh, việc phối kết hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Trong thời đại 4.0 hiện nay thì công tác truyền thông đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp nhà trường, giáo viên thông báo, truyền tải thông tin nhanh nhất, đầy đủ nhất đến cha mẹ học sinh, lan tỏa ra cộng đồng. Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT chủ yếu dùng qua zalo tạo nhóm phụ huynh, học sinh, tổ - nhóm công tác, chuyên môn từ đó tạo các tương tác, kết nối giữa gia đình và nhà trường, giáo viên với giáo viên, quản trị trường với giáo viên - nhân viên. Bên cạnh đó sử dụng các tiện ích trực tuyến trong khảo sát, phiếu hỏi các nội dung dịch vụ công đến GV-HS-PHHS [M02.04.01]. [M02.04.02].

Năm học 2023-2024 là năm học đầu tiên ngành Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) thành phố Uông Bí triển khai tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đối với học sinh lớp 1 và lớp 6. Với nhiều ưu điểm vượt trội, như giúp tiết kiệm chi phí, thay thế hồ sơ giấy, giảm thiểu thời gian chờ đợi, đảm bảo công bằng, chính xác, tăng tính minh bạch, tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đã và đang được nhiều phụ huynh học sinh hưởng ứng và tin tưởng đồng thuận thực hiện. Trường Tiểu học Phương Nam C đã triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến có hỗ trợ một phần đối với các bước thực hiện đăng ký tuyển sinh trực tuyến lớp 1. [M02.04.03].

Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục (Học phí) theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh. Tuy nhiên tỉ lệ phụ huynh đáp ứng nhu cầu chưa đạt 100% vẫn phải nhờ giáo viên chủ nhiệm chuyển khoản giúp vì có những phụ huynh vẫn chưa có điện thoại thông minh. [M02.04.02].

2. Điểm mạnh

Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

3. Điểm yếu

Chưa có giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

CBQL thực hiện tư vấn và bồi dưỡng năng lực giáo viên, nhân viên thực hiện giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lý hồ sơ.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường.	5 điểm

Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	7 điểm
Tổng điểm: 20/30	- Đạt mức độ 3

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường, cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến, có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 1: 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 2: 02 (28,57%)

Số tiêu chí Mức độ 3: 05 (71,43%)

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- CSGD đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- Các kết luận khác (nếu có).

Uông Bí, ngày 29 tháng 5 năm 2024

**TM. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Thị Phương Lan